

Bản án số: 76/2020/HS-PT  
Ngày 25 - 9 - 2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Anh Tuấn  
*Các Thẩm phán:* Ông Trần Quang Khang  
Bà Châu Minh Nguyệt

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Tuấn Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:***  
Ông Trần Ngọc Lin - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 87/2020/TLPT-HS ngày 10 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo Trần Văn L cùng các đồng phạm. Do có kháng cáo của các bị cáo Trần Văn L, Trần Thị Hồng S và Nguyễn Văn T, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2020/HSST ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

***- Bị cáo có kháng cáo:***

1. Họ và tên: **Trần Văn L**, sinh năm 1984, tại tỉnh Hậu Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp 7, xã L, huyện M, tỉnh Hậu Giang. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công Giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Q, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1963; có vợ: Phan Lệ Th, sinh năm 1980; con 03 người, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không. Khởi tố, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/01/2020 đến nay, (có mặt).

2. Họ và tên: **Trần Thị Hồng S**, sinh năm 1982, tại tỉnh Hậu Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp 7, xã L, huyện M, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Công Giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Q, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1963; có chồng: Phạm Minh H, sinh năm 1985 (Đã ly hôn); con 03 người, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không. Khởi tố, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/01/2020 đến nay, (có mặt).

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1991, tại tỉnh Bạc Liêu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Công Giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966; có vợ: Phạm Thị Kim Q, sinh năm 1998; có 01 người con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không. Khởi tố, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/01/2020 đến nay, (có mặt).

*- Bị cáo không có kháng cáo:*

Họ và tên: **Phan Lê Th**, sinh năm 1980, tại tỉnh Hậu Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp 7, xã L, huyện M, tỉnh Hậu Giang. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Công Giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn B (chết) và bà Nguyễn Thị V (chế); có chồng Trần Văn L, sinh năm 1984; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không. Khởi tố, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/01/2020 đến nay.

Ngoài ra còn có người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Mai Hữu P, sinh năm 1983; anh Thái Hoài T1, sinh năm 1986 và anh Lê Đức A, sinh năm 1995 không có kháng cáo, không bị kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo, nên Tòa án không triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo kế hoạch tuần tra số: 05 ngày 10/01/2020 của Công an huyện Hồng Dân phân công từ lúc 12 giờ đến 16 giờ ngày 13/01/2020, gồm: Thiếu tá Mai Hữu P, Đại úy Thái Hoài T1, Thiếu úy Lê Đức A và Thượng sỹ Trần Văn K, tiến hành tuần tra tuyến đường ĐT 978, thị trấn N – V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Đến khoảng 14 giờ, ngày 13/01/2020, tổ tuần tra đến đoạn đường thuộc ấp B, xã V phát hiện có 02 xe mô tô chạy lạng lách, người điều khiển phương tiện có biểu hiện sử dụng rượu bia, đi từ hướng ấp B, xã V về ấp C, xã V nên tổ tuần tra ra tín hiệu dừng 02 xe để kiểm tra, bị cáo L dừng xe và xuất trình giấy tờ, đo nồng độ cồn, còn bị cáo S điều khiển xe chạy sau thấy có Cảnh sát giao thông nên không đi tiếp mà điều khiển xe rẽ vào sân nhà ông Nguyễn Thanh S1 để né việc kiểm tra của Cảnh sát giao thông, kết quả kiểm tra xác định bị cáo Trần Văn L trú ấp 7, xã L, huyện M, tỉnh Hậu Giang điều khiển xe biển kiểm soát 95B1-694.56 chở bị cáo Phan Lê Th, còn bị cáo Trần Thị Hồng S (chưa có giấy phép lái xe) trú cùng địa chỉ với bị cáo L điều khiển xe biển kiểm soát 65L1-243.49 chở Nguyễn Thị H, kết quả đo nồng độ cồn của bị cáo Trần Văn L là 1.107mg/lít khí thở, tổ tuần tra giải thích và yêu cầu bị cáo L ký vào biên

bản phiếu đo nồng độ cồn, nhưng bị cáo Th không đồng ý cho bị cáo L ký tên. Sau đó, bị cáo L không chấp hành ký biên bản và cầm mũ bảo hiểm của mình đi về hướng nhà ông S1 nơi xe bị cáo S đang dừng cách nơi bị cáo bị kiểm tra khoảng 20m. Khi vừa đi vào sân nhà ông S1 thấy anh Thái Hoài T1 là Cảnh sát giao thông đang yêu cầu bị cáo S xuất trình giấy tờ kiểm tra, bất ngờ bị cáo dùng nón bảo hiểm đang cầm trên tay đánh vào mặt của anh Thái Hoài T1 đang thực hiện nhiệm vụ và đạp xe mô tô biển kiểm soát 94A1-000.48 của lực lượng Cảnh sát giao thông ngã vào lề đường, nên Mai Hữu P, Lê Đức A và Trần Văn K đến không chế bị cáo Trần Văn L đè xuống mặt đường, trong lúc bị không chế bị cáo L vùng vẫy và có lời lẽ xúc phạm lực lượng Cảnh sát giao thông, do thấy bị cáo L bị khống chế bị cáo Trần Thị Hồng S từ trong sân nhà S1 đi ra có lời lẽ xúc phạm lực lượng cảnh sát giao thông đang làm nhiệm vụ, dùng chân mang guốc cao gót đạp vào mặt Lê Đức A và Mai Hữu P đang không chế bị cáo L, còn bị cáo Phan Lệ Th có lời nói xúc phạm và nhặt lấy nón bảo hiểm của cảnh sát giao thông đập mạnh xuống đường, dùng giày chọi về phía cảnh sát giao thông đang khống chế bị cáo L. Sau đó, Nguyễn Thị H can ngăn thì Lê Đức A và Trần Văn K buông bị cáo L đứng dậy đi vào trước sân nhà S1 ngồi, T1 và P đi vào nói chuyện với bị cáo L, bị cáo L nhặt cục gạch trước sân rượt đánh anh P, nhưng anh P bỏ chạy nên bị cáo không đánh được. Cùng lúc này, bị cáo Nguyễn Văn T hay tin bị cáo L bị Cảnh sát giao thông khống chế nên đang nhậu tại đám cưới nhà ông C ấp B, xã V đến xông vào dùng tay xô đẩy, đánh Thái Hoài T1, còn bị cáo S tiếp tục có lời lẽ thô tục chửi, lột nón bảo hiểm của anh T1 đang đội chọi về phía T1 nhưng không trúng. Nhận được tin báo lực lượng Công an xã V đến hiện trường mời tất cả các bị cáo về trụ sở làm việc và tiến hành đo nồng độ cồn của bị cáo Trần Thị Hồng S là 0.471mg/lít khí thở.

Tiến hành kiểm tra xe biển kiểm soát: 94A1 - 000.48: Nhiều vết xước mới không xác định kích thước ở thùng xe phía bên phải, trên đèn báo giao thông phát hiện nhiều bùn đất; Tay dầu thắng và kính chiếu hậu bên phải dính nhiều bùn đất mới.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 23 ngày 21/01/2020 kết luận thương tích của Mai Hữu P như sau: Một vết xây xước da ở mặt trước gôi phải. Tỷ lệ 02%. Cơ chế hình thành thương tích là do vật tày tác động từ trước ra sau; bầm ngực phải, để lại vết biến đổi rối loạn sắc tố da. Tỷ lệ 01%. Cơ chế hình thành thương tích là do vật tày tác động từ trước ra sau. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 03%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 22 ngày 21/01/2020 kết luận thương tích của Thái Hoài T1 như sau: Một vết thương nằm ngang mũi. Tỷ lệ 03%. Cơ chế hình thành thương tích là do vật tày tác động từ trước ra sau. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 03%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 24 ngày 22/01/2020 kết luận thương tích của Lê Đức A như sau: Một vết xây xước da ở môi dưới bên trái. Tỷ lệ 03%. Cơ chế hình thành thương tích là do vật tày tác động từ trước ra

sau, từ trái qua phải; một vết xây xác niêm mạc mắt trong môi dưới bên trái. Tỷ lệ 01%. Cơ chế hình thành thương tích là do vật tầy tác động; một vết xây xác da vùng má bên phải. Tỷ lệ 03%. Cơ chế hình thành thương tích là do vật tầy tác động từ phải qua trái; một vết xây xác da ở ngón III bàn tay phải. Tỷ lệ 01%. Cơ chế hình thành thương tích là do vật tầy tác động từ phải qua trái; một vết xây xác da ở ngón IV bàn tay phải. Tỷ lệ 01%. Cơ chế hình thành thương tích là do vật tầy tác động từ phải qua trái; một vết xây xác da ở ngón V bàn tay phải. Tỷ lệ 01%. Cơ chế hình thành thương tích là do vật tầy tác động từ phải qua trái. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 10%.

Tại bản kết luận giám định số: 1411 ngày 03/3/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Các mẫu vật gửi giám định là hung khí nguy hiểm.

Tang vật thu giữ gồm: 01 đôi guốc nữ cao gót bằng nhựa, có quai gài ngang, guốc màu đen; mũi guốc nhọn, trên đế guốc có dòng chữ ZARABASIC, phần gót guốc nhựa cao 07 cm, đường kính 02 cm, đế nhựa phía dưới guốc màu đỏ, có dòng chữ MADE IN VIETNAM, SIZE 38, gót guốc có nhiều vết trầy xước, guốc đã qua sử dụng; 01 đôi giày vải màu đỏ đen, đế giày bằng nhựa màu trắng, đen, trên đế giày có dòng chữ FASHION màu trắng, giày đã qua sử dụng, 01 nón bảo hiểm nửa đầu màu trắng đen có dòng chữ MAZZOLA, nón có nhiều vết trầy xước, số tiền 8.500.000 đồng hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện H quản lý.

Phân dân sự: Mai Hữu P, Lê Đức A và Thái Hoài T1 không yêu cầu bồi thường chi phí điều trị.

Tại bản cáo trạng số:18/CT-VKS ngày 15/6/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu truy tố bị các bị cáo Trần Văn L, Trần Thị Hồng S, Phan Lệ Th và Nguyễn Văn T về tội “Chống người thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 330 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Từ nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2020/HSST ngày 04/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định.

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn L, Trần Thị Hồng S, Phan Lệ Th và Nguyễn Văn T phạm tội “Chống người thi hành công vụ”.

2. Tuyên phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 330; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Văn L 02 năm tù; Xử phạt bị cáo Trần Thị Hồng S 01 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 330; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 330; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị

cáo Phan Lê Th 01 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 14/8/2020 bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ và xin được hưởng án treo. Tại phiên tòa bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ngày 17/8/2020 bị cáo Trần Thị Hồng S và bị cáo Trần Văn L kháng cáo xin giảm nhẹ và xin được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ. Tại phiên tòa các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm và đề nghị:* Lời thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, nên việc truy tố, xét xử các bị cáo về tội “Chống người thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không truy tố, xét xử oan các bị cáo. Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, mức án mà cấp sơ thẩm phạt các bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho các bị cáo. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2020/HSST ngày 04/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội, việc truy tố, xét xử các bị cáo là không oan, các bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm án và cho các bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chăm lo cho gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Văn L, Trần Thị Hồng S và Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Theo kế hoạch tuần tra số 05 ngày 10/01/2020 của Công an huyện H, tỉnh Bạc Liêu phân công Thiếu tá Mai Hữu P, Đại úy Thái Hoài T1, Thiếu úy Lê Đức A và Thượng sỹ Trần Văn K, tiến hành tuần tra tuyến đường ĐT 978, thị trấn N – V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu từ 12 giờ đến 16 giờ ngày 13/01/2020, đến khoảng 14 giờ, ngày 13/01/2020 tại ấp B, xã V, huyện H, các bị cáo L, S, Th và T đã có hành vi, cụ thể như sau; khi bị cáo L bị lực

lượng Cảnh sát giao thông yêu cầu dừng xe để kiểm tra hành chính và kiểm tra nồng độ cồn, mặc dù bị cáo thực hiện theo hiệu lệnh của lực lượng đang thi hành công vụ, nhưng liền sau đó bị cáo dùng mũ bảo hiểm đánh anh Thái Hoài T1 đang thực hiện nhiệm vụ yêu cầu bị cáo S xuất trình giấy tờ để kiểm tra, khi bị lực lượng Cảnh sát giao thông khống chế, bị cáo đạp ngã xe chuyên dụng của Cảnh sát giao thông và bị cáo S dùng guốc cao gót đạp vào vùng mặt của anh Lê Đức A đang khống chế bị cáo L, bị cáo Th không ngăn cản mà nhặt mũ bảo hiểm của Cảnh sát giao thông đập xuống đường, sau khi được mọi người can ngăn, anh Đức A và anh T1 đề bị cáo L đứng lên thì bị cáo lại tiếp tục dùng gạch rượt đánh anh P, anh P bỏ chạy bị cáo không đánh được, sau đó bị cáo T hay tin chạy đến nhưng không ngăn cản mà xông vào xô đẩy, dùng tay đánh vào người anh T1. Hành vi của các bị cáo đã xâm hại trực tiếp đến hoạt động bình thường của lực lượng Cảnh sát giao thông đang làm nhiệm vụ. Do đó, việc truy tố, xét xử đối với các bị cáo về tội “Chống người thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo dùng vũ lực để chống đối khi lực lượng Cảnh sát giao thông đang làm nhiệm vụ, khi bị yêu cầu dừng xe để kiểm tra các bị cáo không những không chấp hành mà còn dùng vũ lực để tấn công lại lực lượng đang làm nhiệm vụ, hậu quả làm cho lực lượng Cảnh sát giao thông không hoàn thành nhiệm vụ như kế hoạch đã đề ra. Do đó, cần phải xử lý nghiêm, để cải tạo giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho các bị cáo và cũng để răn đe phòng ngừa chung.

[3] Xét tính chất, mức độ và vai trò của các bị cáo. Các bị cáo không hứa hẹn, không bàn bạc, phân công vai trò trách nhiệm cho từng người trước khi thực hiện hành vi phạm tội, nhưng các bị cáo cùng thực hiện một hành vi phạm tội, nên hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Do đó, khi phân hóa trách nhiệm hình sự cho từng bị cáo cần xem xét tính chất, vai trò và mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để có mức hình phạt phù hợp.

[3.1] Đối với bị cáo L, mặc dù khi bị dừng xe kiểm tra bị cáo chấp hành, nhưng không đồng ý ký tên vào biên bản và liền sau đó bị cáo dùng mũ bảo hiểm tấn công anh T1, khi bị khống chế bị cáo chống trả quyết liệt, sau khi được can ngăn bị cáo còn có hành vi cầm gạch rượt đánh người đang thực thi công vụ. Hành vi của bị cáo là tiền đề để các bị cáo S, Th thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo khác trong vụ án.

[3.2] Đối với bị cáo S và Th là những người trực tiếp chịu sự tác động từ hoạt động công vụ của lực lượng Cảnh sát giao thông, nhưng các bị cáo không chấp hành, khi bị cáo L có hành vi chống đối, các bị cáo không những không ngăn cản mà còn tham gia tích cực vào việc tấn công lực lượng Cảnh sát giao thông, bị cáo S dùng guốc cao gót là hung khí nguy hiểm tấn công anh Đức A

gây thương tích, bị cáo Th tuy không trực tiếp tấn công lực lượng đang làm nhiệm vụ, nhưng hành vi dùng mủ bảo hiểm của lực lượng Cảnh sát giao thông đang rơi trên đường đập xuống mặt đường, dùng lời lẽ xúc phạm người đang thi hành công vụ, góp phần cản trở hoạt động bình thường của những người đang thực thi công vụ, xét về tính chất, mức độ phạm tội giữa bị cáo S và bị cáo Th thì bị cáo S cao hơn bị cáo Th, nên bị cáo S phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo Th thì mới phù hợp. Tuy nhiên, xét về tính chất, vai trò của bị cáo Th thấy rằng, bị cáo là vợ của bị cáo L, hành vi của bị cáo chỉ nhất thời phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, nên không nhất thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù có điều kiện với bị cáo là phù hợp.

[3.3] Đối với bị cáo T là người không chịu sự tác động trực tiếp của những người đang thực thi công vụ, nhưng khi hay tin bị cáo L bị lực lượng Cảnh sát giao thông khống chế, bị cáo đến không những không can ngăn mà còn dùng vũ lực tấn công anh T1, cản trở hoạt động thực thi công vụ của lực lượng cảnh sát giao thông, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cho hành vi do mình gây ra. Xét tính chất, vai trò và mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo thấp hơn bị cáo S và bị cáo Th, nhưng khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm phạt bị cáo mức án cao hơn bị cáo S và bị cáo Th là chưa phù hợp.

[4] Xét kháng cáo xin hưởng án treo hoặc chuyển sang hình phạt khác nhẹ hơn của các bị cáo L, S, T. Hội đồng xét xử xét thấy, tuy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng, nhưng xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo không những đã xâm phạm trực tiếp đến hoạt động bình thường của lực lượng Cảnh sát giao thông đang làm nhiệm vụ mà thông qua đó còn xâm hại đến hoạt động của Nhà nước về quản lý hành chính trong lĩnh vực thi hành công vụ, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, việc áp dụng hình phạt tù có điều kiện không không đủ sức răn đe, phòng ngừa chung, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho các bị cáo, cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp pháp luật, nên không chấp nhận phần kháng cáo này của các bị cáo.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo L, S, T. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo bị truy tố theo khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự năm 2015 có mức hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng cấp sơ thẩm phạt bị cáo L 02 năm tù, bị cáo S 01 năm tù, bị cáo T 01 năm 06 tháng tù và bị cáo Th 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo là có phần nghiêm khắc và khi phân hóa trách nhiệm hình sự cho từng bị cáo cấp sơ thẩm đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo chưa phù hợp, dẫn đến mức hình phạt của từng bị cáo cũng chưa phù hợp, các bị cáo cùng thực hiện hành vi

phạm tội, nhưng khi bị cáo L, bị cáo S bồi thường khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo Th và bị cáo T là thiếu sót. Do đó, cấp sơ thẩm có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

[6] Đối với bị cáo Phan Lê Th, mặc dù không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, nhưng khi xem xét kháng cáo của các bị cáo L, S và T thấy rằng, cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt đối với bị cáo Th chưa phù hợp, nên cấp phúc thẩm căn cứ Điều 345, khoản 3 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự để giảm một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

[7] Đối với thương tích của anh Mai Hữu P, anh Thái Hoài T1 và anh Lê Đức A, trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo đã thỏa thuận bồi thường xong và anh P, anh T1, anh Đức A có đơn yêu cầu không xử lý hình sự các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện H không truy tố hành vi cố ý gây thương tích của các bị cáo là phù hợp.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát Viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2020/HSST ngày 04/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Hội đồng xét xử xét thấy, như đã phân tích đề nghị của Kiểm sát viên chưa phù hợp nên không được chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo không phải chịu.

[10] Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2020/HS-ST ngày 04/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 260; Điều 345; điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Trần Văn L, Trần Thị Hồng S và Nguyễn Văn T, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2020/HSST ngày 04/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn L, Trần Thị Hồng S, Phan Lê Th và Nguyễn Văn T phạm tội “Chống người thi hành công vụ”.

2. Tuyên phạt:



2.1 Áp dụng khoản 1 Điều 330; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Trần Văn L** 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo **Trần Thị Hồng S** 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2.2 Áp dụng khoản 1 Điều 330; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Phan Lê Th** 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 04/8/2020.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, tỉnh Hậu Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Phan Lê Th thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2020/HSST ngày 04/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Trần Văn L, Trần Thị Hồng S và Nguyễn Văn T không phải chịu.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- TAND huyện H (02 bản);
- VKSND huyện H (01 bản);
- CQĐT huyện H (01 bản);
- Chi cục THADS huyện H (01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (1 bản);
- Các bị cáo (01 bản);
- Lưu: HS, THS, THCTP.

(Đã ký)

**Bùi Anh Tuấn**